

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 18/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 06/02/2024

“ V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thu và bà Trần Thanh Vân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 736/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc: “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐSTHNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh N, năm 1985

HKTT: Tổ 01, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1986

HKTT: Tổ 01, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Nguyên đơn có mặt; vắng mặt bị đơn tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải nguyên đơn Phạm Thị Minh N trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến L đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND phường Tân Thành, thành phố Thái nguyên, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xung đột, vợ chồng không có tiếng nói chung, do anh L không chịu tu chí làm ăn, mãi chơi gia đình đã khuyên bảo anh L

nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2023 đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn và không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh L có 02 con chung Nguyễn Mai C, sinh ngày 10/6/2011 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/11/2023. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Chị đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Tiến L trình bày: Anh xác nhận có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, tuy nhiên anh cho rằng mâu thuẫn này không lớn chưa đến mức phải ly hôn, chị N xin ly hôn anh L không nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Mai C, sinh ngày 10/6/2011 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/11/2023. Nếu trường hợp phải ly hôn thì anh đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận về việc nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Do không đồng ý ly hôn nên anh L cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh L yêu cầu anh L có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, anh L đã nhận các văn bản tố tụng, viết bản tự khai, tuy nhiên vắng mặt tại phiên họp và các phiên hòa giải không có lý do, không cung cấp thêm cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì, không có yêu cầu phản tố. Do vậy Tòa án lập biên bản không hòa giải được để làm căn cứ giải quyết tiếp vụ án. Do các đương sự đã không cùng nhau hòa giải và thỏa thuận được với các nội dung để giải quyết vụ án. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử anh L vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa xét xử và ấn định thời gian mở lại phiên tòa cho chị N và anh L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh L. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con chung do con chung hiện

đang ở với mẹ, con chung còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị tự thỏa thuận về vấn đề này, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa bị đơn anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên không có ý kiến của anh L. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho chị N và anh L theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh L quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên anh L vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2]. Về nội dung: Chị Phạm Thị Minh N và anh Nguyễn Tiến L kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo chị N trình bày, vợ chồng chỉ hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ lẫn nhau, anh L thường xuyên chơi bời, bỏ bê công việc không quan tâm chăm sóc đến vợ con, mặc dù đã nhiều lần được hòa giải, nhưng anh L không thay đổi, khiến cho cuộc sống ngày càng bế tắc và trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2023 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị N vẫn giữ nguyên quan điểm, kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh L xác định không còn tình cảm. Hội đồng xét xử thấy: Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, nay chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh L. Tại bản tự khai anh L xác định vợ chồng cũng có mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế nhưng không đến mức phải ly hôn, nên anh không nhất trí ly hôn với chị N. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, anh L vắng mặt nên không có ý kiến. Nhận thấy do chị

N vẫn kiên quyết xin ly hôn, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, có duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp với thực tế và Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Hiện con chung của chị N và anh L hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N có đề nghị được nuôi cả hai con chung, hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, tại phiên tòa anh L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày đề nghị gì về vấn đề này. Do vậy, để đảm bảo quyền L về mọi mặt cho con chung của chị N và anh L, cần thiết giao cả hai con chung cho chị N và anh L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai bị cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị N đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Tại phiên tòa anh L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì khởi kiện bằng vụ án khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Minh N về việc khởi kiện Ly hôn.

1. Cho chị Phạm Thị Minh N được ly hôn với anh Nguyễn Tiến L.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung Nguyễn Mai C, sinh ngày 10/6/2011 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/11/2023 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi

con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì L ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002272 ngày 21/11/2023 tại C cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- C cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đường sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán, chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà*

** Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Dương Anh Dũng, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với anh Dương Anh Dũng.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức Anh, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dũng được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại C cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA